

Số: **45** /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày **24** tháng **3** năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân
kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước; Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022, cụ thể như sau:

1. Quy định về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công:

Điểm a Khoản 3 Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước:

“3. Các khoản dự toán chi, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, đến hết năm ngân sách, kể cả thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều này chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết phải hủy bỏ, trừ một số khoản chi được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau:

a) Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công”

Khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công:

“2. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến ngày 31 tháng 01 năm sau. Trường hợp bất khả kháng, Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau”

Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ

“1. Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho

phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau trong các trường hợp sau:

- a) Dự án quan trọng quốc gia;
- b) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng;
- c) Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau;
- d) Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau;
- đ) Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép;
- e) Dự án cơ quan đại diện và cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài;
- g) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chỉ có duy nhất 01 dự án trong năm kế hoạch hoặc không thể thực hiện điều chỉnh kế hoạch.”

2. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021

Thực hiện quy định về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương. Căn cứ số liệu về kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý năm 2021 đến hết ngày 31/12/2021 chưa giải ngân hết và đề xuất của các đơn vị, địa phương;

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý năm 2021 với số vốn **93.192.260.701 đồng** (chi tiết danh mục dự án như biểu số I kèm theo);

3. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương do cấp huyện, cấp xã quản lý năm 2021:

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đã chủ động phân bổ, triển khai quản lý và thực hiện đối với kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021 được phân cấp cho cấp huyện, cấp xã quản lý;

Do đó, thực hiện quy định về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công; đối với danh mục các dự án kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương do cấp huyện, cấp xã quản lý năm 2021 có nhu cầu kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022 do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chủ động rà soát, báo cáo đảm bảo:

+ Danh mục dự án được phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021 do cấp huyện, cấp xã quản lý đề xuất kéo dài thời gian thực

hiện và giải ngân phải đảm bảo điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ;

+ Cam kết giải ngân hết kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo và kèm theo xác nhận, đối chiếu của Kho bạc Nhà nước.

+ Chịu trách nhiệm trước về tính chính xác của thông tin, số liệu các dự án đề xuất kéo dài.

Căn cứ báo cáo về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021 của 09/10 địa phương (trừ UBND thành phố Đông Hà); Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, tổng hợp theo đúng danh mục và số vốn các địa phương báo cáo và chịu trách nhiệm.

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương do cấp huyện, cấp xã quản lý năm 2021 với số vốn **41.035.963.800 đồng** (chi tiết danh mục dự án như các biểu số II kèm theo);

4. Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn kéo dài:

Căn cứ Khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công; kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép “Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021 được phép kéo dài không quá 31 tháng 12 năm 2022”.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Hưng

Biểu số I
TỔNG HỢP DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ HOẠCH 2021 DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022
(Kèm theo Tờ trình số 45 /TTr-UBND ngày 24 / 13/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân, lý do	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
	TỔNG CỘNG	93.192.260.701		10.889.654.892	274.599.120	0	82.028.006.689
I	NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ	19.507.639.582		10.889.654.892	274.599.120	0	8.343.385.570
1	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương - Bến	111.650.000	Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện dự án				111.650.000
2	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích Quốc gia đặc biệt Cảng Quân sự Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	16.864.000	Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện dự án				16.864.000
3	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái thác Ba Vòi, huyện Đakrông	56.683.000	Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện dự án				56.683.000
4	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái Brai-Tà Puồng, huyện Hướng Hóa	171.680.000	Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện dự án				171.680.000
5	Quy hoạch Quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	121.977.200	Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện dự án				121.977.200
6	Cấm mốc ranh giới sử dụng đất Đồ án Quy hoạch Cảng hàng không Quảng Trị giai đoạn đến năm 2030	160.000.000	Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện dự án				160.000.000
7	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Linh đến năm 2040, định hướng đến năm 2050	500.000.000	Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện dự án				500.000.000
8	Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Đông Thanh tỷ lệ 1/2000	68.667.000	Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện dự án				68.667.000
9	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	402.704.000	Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện dự án				402.704.000
10	Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Trị (JICA)	182.247.500	Thay đổi nhân sự BQL dự án, công tác quyết toán chưa hoàn thành		182.247.500		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân, lý do	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
11	Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP)	329.750.000	Đang hoàn thiện thủ tục chấp thuận tỷ lệ chi phí quản lý dự án giữa Ban QLDA và Chủ đầu				329.750.000
12	Tiểu Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	4.660.453.300	Khó khăn trong công tác GPMB để xây dựng lưới điện trung áp tại các địa phương hưởng lợi				4.660.453.300
13	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị						
-	Hợp phần GPMB Dự án BIIG2 huyện Gio Linh	3.763.408.000	Vướng mắc liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, GPMB; chuyển đổi mục đích sử dụng	3.763.408.000			
-	Hợp phần GPMB Dự án BIIG2 huyện Vĩnh Linh	1.750.356.130	Vướng mắc trong GPMB, phải điều chỉnh thiết kế đoạn tuyến Km0+00-Km0+839,15	1.750.356.130			
-	Hợp phần GPMB Dự án BIIG2 huyện Triệu Phong	960.678.600	Vướng mắc liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, GPMB	960.678.600			
-	Hợp phần GPMB Dự án BIIG2 huyện Đakrông	3.702.423.000	Vướng mắc trong việc hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng	3.702.423.000			
-	Hợp phần GPMB Dự án BIIG2 huyện Hướng Hóa	712.789.162	Vướng mắc trong việc hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng	712.789.162			
14	Trụ sở Tỉnh ủy và các cơ quan, giai đoạn 1	93.350.000	Dịch bệnh covid-19 ảnh hưởng đến tiến độ thi tuyển phương án kiến trúc				93.350.000
15	Xây dựng cơ sở hạ tầng di dân ra khỏi vùng ngập lụt 3 xã Triệu Thượng, Triệu Giang, Triệu Long huyện Triệu Phong (giai đoạn 1)	41.051.620	Đang xử lý vốn thu hồi tạm ứng		41.051.620		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân, lý do	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
16	Hệ thống cấp nước tập trung huyện đảo Côn Cò (giai đoạn 2)	1.649.607.070	Kế hoạch vốn phân bổ muộn, dịch bệnh và thời tiết trên đảo phức tạp ảnh hưởng đến tiến độ khảo sát của đơn vị tư vấn thiết kế BVTC và dự toán Dự án có sử dụng công nghệ mới cần phải được thẩm định trước khi đưa vào dự án				1.649.607.070
17	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông	51.300.000	Thanh toán chi phí quyết toán dự án hoàn thành		51.300.000		
II	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT	72.022.727.119		0	0	0	72.022.727.119
1	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	232.337.000	Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và UBND tỉnh chỉ đạo điều chỉnh quy hoạch khu				232.337.000
2	Đường vành đai cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà (giai đoạn 1)	1.776.662.000	Khó khăn về công tác bồi thường GPMB và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19				1.776.662.000
3	Khu đô thị Tân Vĩnh	610.003.000	Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và UBND tỉnh chỉ đạo điều chỉnh quy hoạch khu				610.003.000
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu đô thị Bắc Sông Hiếu	6.147.754.000	Khó khăn về công tác bồi thường GPMB và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19				6.147.754.000
5	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	52.336.754.000	Khó khăn về công tác bồi thường GPMB và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19				52.336.754.000
6	Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến Quốc lộ 9)	2.034.529.000	Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và khó khăn về mỏ vật liệu đất đắp				2.034.529.000
7	Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ	79.371.000	Khó khăn về công tác bồi thường GPMB				79.371.000

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân, lý do	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
8	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ khu vực Bắc sông Hiếu	889.408.000	Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19				889.408.000
9	Giải phóng mặt bằng sạch phục vụ đấu giá QSD đất để thực hiện dự án Khu đô thị Thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà	1.252.869.300	Khó khăn về công tác bồi thường GPMB và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19				1.252.869.300
10	Đường Trường Chinh, thành phố Đông Hà (đoạn từ Lê Lợi đến đường Hùng Vương)	1.092.813.000	Khó khăn về công tác bồi thường GPMB và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19				1.092.813.000
11	Công viên Mini Phường 2, thành phố Đông Hà	790.081.000	Khó khăn về công tác bồi thường GPMB và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19				790.081.000
12	Đường hai đầu công dây văng sông Hiếu - giai đoạn 1	800.000.000	Ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19				800.000.000
13	Chợ Tân Liên, Hướng Hóa	1.000.000.000	Ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19				1.000.000.000
14	Cầu Trung Yên	228.421.000	Ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19				228.421.000
15	Cải tạo nhà khách Tỉnh ủy	409.951.819	Ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19				409.951.819
16	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc các Ban Đảng, nhà công vụ	2.341.773.000	Ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19				2.341.773.000
III	NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT	1.574.859.000		0	0	0	1.574.859.000
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị TP Đông Hà	27.070.000	Phụ thuộc vào nguồn thu, đến cuối năm mới được nhập đủ nguồn theo kế hoạch nên không có khối lượng và hoàn thành thủ tục để giải ngân.				27.070.000

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân, lý do	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
2	Khoa y học nhiệt đới bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải	129.973.000	Phụ thuộc vào nguồn thu, đến cuối năm mới được nhập đủ nguồn theo kế hoạch nên không có khối lượng và hoàn thành thủ tục để giải ngân.				129.973.000
3	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	17.816.000	Công trình bị ảnh hưởng bởi dịch Covid (đơn vị thi công bị dịch bệnh phải tiến hành cách				17.816.000
4	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới - Huyện Hải Lăng	500.000.000	Phụ thuộc vào nguồn thu, đến cuối năm mới được nhập đủ nguồn theo kế hoạch nên không có khối lượng và hoàn thành thủ tục để giải ngân.				500.000.000
5	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới - Huyện Triệu Phong	500.000.000	Phụ thuộc vào nguồn thu, đến cuối năm mới được nhập đủ nguồn theo kế hoạch nên không có khối lượng và hoàn thành thủ tục để giải ngân.				500.000.000
6	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới - Huyện Gio Linh	400.000.000	Phụ thuộc vào nguồn thu, đến cuối năm mới được nhập đủ nguồn theo kế hoạch nên không có khối lượng và hoàn thành thủ tục để giải ngân.				400.000.000
IV	NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	87.035.000		0	0	0	87.035.000
1	Chợ Vĩnh Sơn; Hạng mục: Đình chợ, sân bê tông, nhà vệ sinh, hố chứa rác thải, bể chứa nước và giếng khoan	23.396.000	Thời tiết và dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình				23.396.000
2	Trường THPT Cửa Tùng, hạng mục Nhà vệ sinh giáo viên	1.946.000	Thời tiết và dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình				1.946.000

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân, lý do	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
3	Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch tập trung xã Vĩnh Hà	12.337.000	Thời tiết và dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình				12.337.000
4	Sân thể thao xã Gio Mai; Hạng mục: Nâng cấp mặt sân, xây dựng sân khấu, khán đài.	16.594.000	Thời tiết và dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình				16.594.000
5	Nhà văn hóa thôn Tân Minh; Hạng mục: Xây dựng tường rào, nhà vệ sinh, cải tạo nhà.	1.537.000	Thời tiết và dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình				1.537.000
6	Nhà văn hóa thôn Mai Xá khu vực 1; Hạng mục: Xây dựng tường rào, nhà vệ sinh.	788.000	Thời tiết và dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình				788.000
7	Nhà văn hóa thôn Lâm Xuân; Hạng mục: Xây dựng tường rào, cải tạo nhà.	1.735.000	Thời tiết và dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình				1.735.000
8	Kiên cố hóa đường GTNT thôn An Lợi	9.363.000	Thời tiết và dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình				9.363.000
9	Tường rào Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Triệu Độ	19.339.000	Thời tiết và dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình				19.339.000

Biểu số II

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022**

*(Kèm theo Tờ trình số **45** /TTr-UBND ngày **24** / 3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

ĐVT: Đồng

TT	Địa phương	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP				Ghi chú
			Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ	
1	Thành phố Đông Hà	0	0	0	0	0	
2	Thị xã Quảng Trị	10.055.398.000	0	250.831.000	0	9.804.567.000	
3	Huyện Triệu Phong	5.708.948.900	0	429.228.000	0	5.279.720.900	
4	Huyện Hải Lăng	6.606.730.000	100.000.000	501.913.000	2.400.000.000	3.604.817.000	
5	Huyện Vĩnh Linh	4.154.600.052	512.114.000	3.642.486.052	0	0	
6	Huyện Gio Linh	3.206.939.000	50.000.000	2.394.231.000	729.370.000	33.338.000	
7	Huyện Cam Lộ	2.356.662.020	0	0	1.396.400.020	960.262.000	
8	Huyện Đakrông	2.670.594.500	0	27.799.000	293.589.500	2.349.206.000	
9	Huyện Hướng Hóa	5.661.403.327	0	5.661.403.327	0	0	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	614.688.001	0	0	0	614.688.001	
	TỔNG CỘNG	41.035.963.800	662.114.000	12.907.891.379	4.819.359.520	22.646.598.901	

Biểu số II.2

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số **45** /TTr-UBND ngày **24** / 3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
	THỊ XÃ QUẢNG TRỊ	10.055.398.000		0	250.831.000	0	9.804.567.000
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	10.055.398.000		0	250.831.000	0	9.804.567.000
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí						
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	10.055.398.000		0	250.831.000	0	9.804.567.000
1	Cơ sở hạ tầng khu đô thị mới võ Thị Sáu (giai đoạn 2)	247.754.000	Thanh toán chi phí quyết toán dự án hoàn thành		247.754.000		
2	Hệ thống đường giao thông khu dân cư phía Tây đường Nguyễn Trường Tộ	490.947.000	Thời tiết không thuận lợi; Ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid				490.947.000
3	Trường THCS Thành Cổ, thị xã Quảng Trị	52.519.000	Thời tiết không thuận lợi; Ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid				52.519.000
4	Đường giao thông khu phố 1, khu phố 3, phường An Đôn	520.140.000	Thời tiết không thuận lợi; Ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid				520.140.000
5	Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt	7.616.723.000	Do điều chỉnh quy hoạch chi tiết, Thời tiết không thuận lợi; Ảnh hưởng của Dịch bệnh				7.616.723.000
6	Nâng cấp , cải tạo hệ thống thoát nước khu vực đường Lý Thái Tổ - Lê Quý Đôn	69.168.000	Do điều chỉnh quy hoạch chi tiết, Thời tiết không thuận lợi; Ảnh hưởng của Dịch bệnh				69.168.000
7	Hệ thống thoát nước khu dân cư Bàu Cháu (Đường Phan Châu Trinh ra sông Thạch Hãn)	3.077.000	Thanh toán chi phí quyết toán công trình hoàn thành		3.077.000		
8	Hạ tầng cụm công nghiệp Hải Lệ (giai đoạn 1); hạng mục: San lấp mặt bằng, công chính vào cụm công nghiệp, hệ thống điện chiếu sáng	1.055.070.000	Do nguồn vốn bổ sung cuối năm, Thời tiết không thuận lợi; Ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid				1.055.070.000

Biểu số II.3

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số 45 /TTr-UBND ngày 24 / 3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
	HUYỆN TRIỆU PHONG	5.708.948.900		0	429.228.000	0	5.279.720.900
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	5.708.948.900		0	429.228.000	0	5.279.720.900
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	769.683.000		0	322.223.000	0	447.460.000
1	Kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu làng nghề sản xuất bún thôn Linh Chiểu, xã Triệu Sơn	322.223.000	Chưa nghiệm thu được công nghệ xử nước thải (đội các hộ dân vào sản xuất)		322.223.000		
2	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa thiếu nhi huyện	447.460.000	Trung dụng trụ sở làm nơi cách ly tập trung của huyện nên chưa thể triển khai thi				447.460.000
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	1.839.265.900		0	107.005.000	0	1.732.260.900
1	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn, huyện Triệu Phong năm 2019	1.215.256.900	Chưa quy chủ được các hộ bị ảnh hưởng đất đai, vướng mắc GPMB				1.215.256.900
2	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Triệu Phong năm 2021	475.312.000	Chưa quy chủ được các hộ bị ảnh hưởng đất đai, vướng mắc GPMB				475.312.000
3	Nâng cấp Nhà văn hóa thôn Hà My, xã Triệu Hòa	36.584.000	Thực hiện theo tiến độ thu nguồn đầu đất, Ảnh hưởng thời tiết		36.584.000		
4	Nâng cấp nhà văn hóa xã Triệu Trung	41.692.000	Thực hiện theo tiến độ thu nguồn đầu đất; Ảnh hưởng dịch Covid; Ảnh hưởng của				41.692.000
5	Nâng cấp, cải tạo trụ sở UBND xã Triệu Trạch	70.421.000	Thực hiện theo tiến độ thu nguồn đầu đất, Ảnh hưởng thời tiết		70.421.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
I.3	Nguồn vốn đầu tư công khác	3.100.000.000		0	0	0	3.100.000.000
1	Đường giao thông qua khu dân cư Thâm Triều, xã Triệu Tài	2.000.000.000	Ảnh hưởng dịch COVID và thời tiết				2.000.000.000
2	Đường Hoàng Diệu, thị trấn Ái Tử	1.100.000.000	Ảnh hưởng dịch COVID và thời tiết				1.100.000.000

Biểu số II.4

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ

KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 45 /TTr-UBND ngày 24 / 3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
	HUYỆN HẢI LĂNG	6.606.730.000		100.000.000	501.913.000	2.400.000.000	3.604.817.000
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	4.173.077.000		0	152.177.000	2.400.000.000	1.620.900.000
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí						
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	811.691.000		0	35.860.000	0	775.831.000
1	Đường ra vùng cát xã Hải Thiện (giai đoạn 4, gồm 2 tuyến)	7.428.000	Chi phí Quyết toán DAHT		7.428.000		
2	Cắm mốc thực địa QH chi tiết xây dựng khu TTCN-DV-TDĐT phía Tây Bắc đường Hùng	4.100.000	Chi phí Quyết toán DAHT		4.100.000		
3	Trạm bơm Mỹ Chánh xã Hải Chánh	5.237.000	Chi phí Quyết toán DAHT		5.237.000		
4	Đường ra vùng Phần thôn Trà Lộc, xã Hải Xuân	1.543.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.543.000		
5	Hệ Thống thoát nước; HM: tuyến 1 phía sau ban QLDA huyện đến trường tiểu học thị trấn; tuyến 2 đường Lương Thế Vinh	2.177.000	Chi phí Quyết toán DAHT		2.177.000		
6	Khu đô thị khóm 1, thị trấn Hải Lăng; HM: San lấp mặt bằng và đường giao thông	775.831.000	Công trình triển khai vào cuối năm ảnh hưởng của thiên tai: mưa, bão kéo dài và ảnh hưởng đại dịch Covid 19				775.831.000
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị phía đông đường Lương Đình Cửa	15.375.000	Chi phí Quyết toán DAHT		15.375.000		
I.3	Nguồn vốn đầu tư công khác	3.361.386.000		0	116.317.000	2.400.000.000	845.069.000
1	Trạm bơm Mỹ Chánh xã Hải Chánh	5.237.000	Chi phí Quyết toán DAHT		5.237.000		
2	Sửa chữa Phòng Nội vụ huyện Hải Lăng	1.662.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.662.000		
3	Sửa chữa Trung tâm Phát triển cụm Công nghiệp và Khuyến công huyện	1.127.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.127.000		
4	Sửa chữa phòng Lao động-TB&XH huyện Hải	1.338.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.338.000		
5	Sửa chữa phòng Văn hóa-Thông tin huyện; hạng mục: Chồng thám, sơn sửa nhà làm việc	855.000	Chi phí Quyết toán DAHT		855.000		
6	Sửa chữa phòng Y tế; hạng mục: Lợp, chống thấm mái, quét sơn	1.052.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.052.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
7	Xây dựng, lắp đặt hệ thống Camera giám sát ATTT, ATGT trên địa bàn huyện	4.750.000	Chi phí Quyết toán DAHT		4.750.000		
8	Đường ra vùng cát phát triển sản xuất, xã Hải Ba	150.000.000	Công trình triển khai bị ảnh hưởng của thiên tai: mưa, bão kéo dài và ảnh hưởng đại dịch Covid 19 nên tiến độ thi công bị ảnh				150.000.000
9	Điện chiếu sáng trục đường chính thôn Long Hưng (đoạn từ QL1A - Đường tránh Thành Cổ)	23.511.000	Chi phí Quyết toán DAHT,		23.511.000		
10	Sân vận động huyện Hải Lăng	50.000.000	Công trình đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục				50.000.000
11	Nâng cấp, mở rộng bãi rác tập trung tại thị trấn Diên Sanh	20.000.000	Công trình đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục				20.000.000
12	GPMB hồ Khe Chè Thượng xây dựng khu công viên	30.000.000	Công trình đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục				30.000.000
13	Tường rào Nhà văn hóa thôn Kim Long, xã Hải	5.183.000	Chi phí Quyết toán DAHT		5.183.000		
14	Điện sáng QL 49 đoạn qua thôn Kim Long, xã Hải Quế	6.349.000	Chi phí Quyết toán DAHT		6.349.000		
15	Sửa chữa Trường TH&THCS Hải Quế	2.102.000	Chi phí Quyết toán DAHT		2.102.000		
16	Đường ra vùng sản xuất Rú Ràn thôn Đại An Khê, xã Hải Thượng	2.597.000	Chi phí Quyết toán DAHT		2.597.000		
17	Nâng cấp sân vận động trung tâm xã Hải Ba	347.382.000	Công trình bố trí khởi công mới, do ảnh hưởng mưa lũ kéo dài, sân bị ngập sâu nên không thể triển khai thực hiện				347.382.000
18	Nâng cấp đường liên thôn Lam Thủy - Kinh Duy, xã Hải Hưng	1.475.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.475.000		
19	Đường tránh khu du lịch sinh thái Trà Lộc (đoạn còn lại)	5.334.000	Chi phí Quyết toán DAHT		5.334.000		
20	Đường vào khu di tích Dũng sỹ Phường Sấn (giai đoạn 2)	4.018.000	Chi phí Quyết toán DAHT		4.018.000		
21	Nâng cấp đường thôn Mỹ Thủy và sân Trại sở làm việc xã Hải An	4.152.000	Chi phí Quyết toán DAHT		4.152.000		
22	Đường GTNT-đập Hồ Eo, xã Hải Lâm	1.417.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.417.000		
23	Sửa chữa Trại sở HỘND&UBND huyện	2.280.000	Chi phí Quyết toán DAHT		2.280.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
24	Chỉnh trang đô thị trồng cây xanh	11.351.000	Chi phí Quyết toán DAHT		11.351.000		
25	Đường liên thôn Thiện Tây-Thiện Đông, xã Hải	7.742.000	Chi phí Quyết toán DAHT		7.742.000		
26	Đường trục thôn Nam Chánh, xã Hải Chánh	5.250.000	Chi phí Quyết toán DAHT		5.250.000		
27	Nhà văn hóa thôn Mỹ Chánh, xã Hải Chánh	6.244.000	Chi phí Quyết toán DAHT		6.244.000		
28	Đường Trường Sa nổi khu dân cư ra vùng sản xuất thôn Trà Lộc, xã Hải Hưng	1.000.000.000	Công trình triển khai cuối năm theo tiến độ			1.000.000.000	
29	Trường TH&THCS Hải Ba	1.400.000.000	Công trình khởi công mới triển khai đấu thầu gói thầu xây lắp			1.400.000.000	
30	Xây mới sân, tường rào, cổng NVH thôn Khe Mường	3.358.000	Chi phí Quyết toán DAHT		3.358.000		
31	Sửa chữa đập ruộng cấy, xã Hải Chánh	1.140.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.140.000		
32	Sửa chữa đập 15, xã Hải Phú	1.139.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.139.000		
33	Khắc phục xói lở cầu An Lạc và đường hai đầu cầu xã Hải Phú	247.687.000	Công trình bố trí khởi công cuối năm, do ảnh hưởng mưa lũ kéo dài nên một số hạng mục không thể triển khai thực hiện				247.687.000
34	Chốt kiểm tra y tế phòng, chống dịch Covid- 19	3.602.000	Chi phí Quyết toán DAHT		3.602.000		
35	Các hạng mục phụ trợ chốt kiểm tra y tế phòng, chống dịch Covid-19	2.052.000	Chi phí Quyết toán DAHT		2.052.000		
II	CẤP XÃ QUẢN LÝ	2.433.653.000		100.000.000	349.736.000	0	1.983.917.000
II.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí						
II.2	Nguồn thu sử dụng đất	2.433.653.000		100.000.000	349.736.000	0	1.983.917.000
I	Thị trấn Diên Sanh	1.736.676.000		100.000.000	246.711.000	0	1.389.965.000
-	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Như Mỹ đến nhà Ông Lê Mạnh, Xóm Hiệp, thôn 3, xã Hải Thọ.	6.832.000	Chi phí Quyết toán DAHT		6.832.000		
-	Hệ thống điện chiếu sáng ĐT.582 (đoạn từ ngã 5 về Hải Thiện), xã Hải Thọ	14.990.000	Chi phí Quyết toán DAHT		14.990.000		
-	Khu dân cư xã Hải Thọ (nay là thị trấn Diên Sanh). Hạng mục: đất đai; cây trồng, hoa màu; chính sách hỗ trợ; kinh phí phục vụ GPMB công trình, kinh phí thẩm định BT, HT, TĐC.	99.193.000	Chi phí Quyết toán DAHT		99.193.000		
-	Nâng cấp sân trường mầm non Hải Thọ.	11.049.000	Chi phí Quyết toán DAHT		11.049.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
-	Khu đô thị khóm 1, HM: Cấp điện cấp nước, cắm mốc phân lô(giai đoạn 1)	172.602.000	Công trình triển khai vào cuối năm ảnh hưởng của thiên tai: mưa, bão kéo dài và ảnh hưởng đại dịch Covid 20				172.602.000
-	Son, sửa trụ sở UBND và nhà văn hóa thị trấn Diên Sanh.	4.506.000	Chi phí Quyết toán DAHT		4.506.000		
-	Nhựa hóa các tuyến đường khu dân cư phía nam Trường TH&THCS thị trấn Hải Lăng(cơ sở 2)	500.623.000	Công trình triển khai vào cuối năm ảnh hưởng của thiên tai: mưa, bão kéo dài và ảnh hưởng đại dịch Covid 20				500.623.000
-	Nâng cấp, mở rộng đường Khóm 3	150.000.000	Công trình triển khai vào cuối năm ảnh hưởng của thiên tai: mưa, bão kéo dài và ảnh hưởng đại dịch Covid 21				150.000.000
-	Cải tạo vỉa hè, sân vườn Trường Mầm non Hải Thọ và sửa chữa mặt đường Trần Hữu Dực	39.441.000	Do ảnh hưởng thời tiết				39.441.000
-	Nhà văn hóa khóm 1; Hạng mục: Nhà hội Trường	400.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết				400.000.000
-	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y Tế thị trấn Diên Sanh	2.813.000	Chi phí Quyết toán DAHT		2.813.000		
-	Cải tạo trụ sở làm việc HĐND, MT và các đoàn thể thị trấn	3.599.000	Chi phí Quyết toán DAHT		3.599.000		
-	Đầu nối cấp điện sinh hoạt điểm dân cư vùng Choi (giai đoạn 2).	89.873.000	Công trình triển khai vào cuối năm ảnh hưởng của thiên tai: mưa, bão kéo dài và ảnh hưởng đại dịch Covid 20				89.873.000
-	Nâng cấp, sửa chữa Nghĩa trang Liệt sỹ thị trấn	7.705.000	Chi phí Quyết toán DAHT		7.705.000		
-	Nâng cấp đường bê tông khóm 6, từ điểm giao giữa hẻm 236 đến nhà bà Nguyễn Thị Hai	11.214.000	Chi phí Quyết toán DAHT		11.214.000		
-	Điểm dân cư phía đông đường Nguyễn Trãi: HM: Khảo sát,, lập quy hoạch; cây trồng, hoa màu; CS hỗ trợ; KP PV GPMB CT:KP thẩm định BT,HT,TĐC; ĐĐCL và CM GPMB PV CT THĐ, GĐ; CC PLĐG QSD đất	100.000.000	Công trình vướng về mặt thủ tục và GPMB trên chậm triển khai thi công	100.000.000			

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
-	Trường mầm non Sơn Ca; Hạng mục: Lát gạch sân bê tông, xây mới bồn hoa, sân cỏ nhân tạo, rãnh thoát nước	2.228.000	Chi phí Quyết toán DAHT		2.228.000		
-	Trường TH&THCS Hải Thọ; Hạng mục: Xây dựng mới nhà vệ sinh điểm trường Tiểu học.	8.328.000	Chi phí Quyết toán DAHT		8.328.000		
-	Lát gạch sân trụ sở cơ quan thị trấn	16.933.000	Chi phí Quyết toán DAHT		16.933.000		
-	Nâng cấp, sửa chữa Trường TH&THCS Bùi Dục Tài; Hạng mục: Sửa chữa mái nhà, chống thấm khối phòng học 02 tầng điểm trường THCS; Sửa chữa mái nhà, chống thấm khối phòng học 02 tầng điểm trường TH.	2.405.000	Chi phí Quyết toán DAHT		2.405.000		
-	Sửa chữa, chống thấm nhà văn hóa thị trấn	2.161.000	Chi phí Quyết toán DAHT		2.161.000		
-	Nâng cấp đê thiện thọ(đoạn nối tiếp)	2.340.000	Chi phí Quyết toán DAHT		2.340.000		
-	Chống úng cục bộ khu dân cư Vùng Choi tuyến đường nhà ông Hoàng Minh	15.203.000	Chi phí Quyết toán DAHT		15.203.000		
-	Nâng cấp một số hạng mục phụ trợ chợ Diên Sanh	23.148.000	Chi phí Quyết toán DAHT		23.148.000		
-	Nâng cấp một số hạng mục phụ trợ chợ thị trấn Hải Lăng	12.064.000	Chi phí Quyết toán DAHT		12.064.000		
-	Nâng cấp chợ thị trấn Hải Lăng , Hạng mục: Nâng cấp tường rào hàng cá	37.426.000	Công trình triển khai vào cuối năm ảnh hưởng của thiên tai: mưa, bão kéo dài và ảnh hưởng đại dịch Covid 19				37.426.000
2	Xã Hải Phú	379.362.000		0	26.787.000	0	352.575.000
-	Nhà văn hoá khu vực đối 6 thôn Long Hưng	23.212.000	Chi phí Quyết toán DAHT		23.212.000		
-	Nâng cấp mở rộng đường vào trường TH-THCS Hải Phú (khu vực 3 thôn Long Hưng)	163.923.000	Công trình triển khai vào cuối năm ảnh hưởng của thiên tai: mưa, bão kéo dài và ảnh hưởng đại dịch Covid 19				163.923.000
-	Bể tiêu năng ngõ Sơn thôn Long Hưng xã Hải phú	188.652.000	Công trình triển khai vào cuối năm ảnh hưởng của thiên tai: mưa, bão kéo dài và ảnh hưởng đại dịch Covid 19				188.652.000

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
-	Biển báo các tuyến đường do thôn quản lý trên địa bàn xã Hải Phú	3.575.000	Chi phí Quyết toán DAHT		3.575.000		
3	Xã Hải Ba	4.135.000		0	4.135.000	0	0
-	Di dời đình phụ chợ Cổ Lũy từ chợ cũ sang chợ mới, đổ bê tông sân, san nền	1.613.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.613.000		
-	Trường Mầm non Hải Ba; hạng mục: Cải tạo phòng học, nhà vệ sinh và tường rào khu vực lễ Phương Lang	2.522.000	Chi phí Quyết toán DAHT		2.522.000		
4	Xã Hải Định	3.335.000		0	3.335.000	0	0
-	Điện chiếu sáng xã Hải Định (khu vực xã Hải Thiện cũ)	3.335.000	Chi phí Quyết toán DAHT		3.335.000		
5	Xã Hải Dương	72.063.000		0	20.914.000	0	51.149.000
-	Bê tông khuôn viên cổng làng và nâng cấp đường kiểu mẫu Đông Dương	1.266.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.266.000		
-	Trường mầm non Hải Dương, hạng mục: Nhà 1 tầng, 4 phòng học	32.661.000	Công trình triển khai do ảnh hưởng lụt, mưa bão kéo dài				32.661.000
-	Đường ra vùng cát xóm Nẩy, thôn Diên Khánh xã Hải Dương	18.488.000	Công trình triển khai do ảnh hưởng lụt, mưa bão kéo dài				18.488.000
-	Đường ra vùng cát thôn An Nhơn, xã Hải Dương	9.211.000	Chi phí Quyết toán DAHT		9.211.000		
-	Đường ra vùng cát thôn Đông Dương, xã Hải	6.160.000	Chi phí Quyết toán DAHT		6.160.000		
-	Đường xóm mới Tân Lập, xã Hải Dương	3.585.000	Chi phí Quyết toán DAHT		3.585.000		
-	Nhà trực chốt xã Hải Dương, huyện Hải Lăng	692.000	Chi phí Quyết toán DAHT		692.000		
6	Xã Hải Sơn	12.955.000		0	12.955.000	0	0
-	Tường rào trụ sở UBND xã	8.454.000	Chi phí Quyết toán DAHT		8.454.000		
-	Điện chiếu sáng, cây xanh, bảng điện tử trụ sở làm việc và nhà văn hoá xã	4.501.000	Chi phí Quyết toán DAHT		4.501.000		
7	Xã Hải Hưng	225.127.000		0	34.899.000	0	190.228.000
-	Nâng cấp tuyến ống cấp nước sinh hoạt khu vực Lam Thủy	64.261.000	Công trình triển khai do ảnh hưởng lụt, mưa bão kéo dài nên một số hạng mục không thể triển				64.261.000
-	Nâng cấp tuyến ống cấp nước sinh hoạt khu vực Thuận Nhơn-Thị Ông	10.737.000	Công trình triển khai do ảnh hưởng lụt, mưa bão kéo dài				10.737.000
-	Bê tông hoá GTND Nam Nhi (Ngõ Trĩ Bản đến KN4)	8.404.000	Chi phí Quyết toán DAHT		8.404.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
-	Bê tông hoá GTND từ đường liên xã đến cống xiphong KN4	3.830.000	Chi phí Quyết toán DAHT		3.830.000		
-	Nâng cấp tuyến ống cấp nước sinh hoạt khu vực Thuận Nhơn-Thị Ông	38.692.000	Công trình triển khai do ảnh hưởng lụt, mưa bão kéo dài nên một số hạng mục không thể triển				38.692.000
-	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng HTX Trà Lộc	20.842.000	Công trình triển khai do ảnh hưởng lụt, mưa bão kéo dài nên một số hạng mục không thể triển				20.842.000
-	Bê tông hoá GTNT, thôn Trà Lộc	6.513.000	Chi phí Quyết toán DAHT		6.513.000		
-	Xây dựng tường rào sân thể thao xã (tại thôn Trà Lộc)	2.763.000	Chi phí Quyết toán DAHT		2.763.000		
-	Đường kiểu mẫu thôn Trà Lộc	31.396.000	Công trình khởi công mới do ảnh hưởng lụt, mưa bão kéo dài				31.396.000
-	Nâng cấp đường ra nghĩa địa vùng Chúa Nghệ	1.172.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.172.000		
-	Đường ống cấp nước sinh hoạt Thuận Đức- Lam Thủy	7.644.000	Chi phí Quyết toán DAHT		7.644.000		
-	Đường kiểu mẫu xã Hải Hưng	24.300.000	Công trình khởi công cuối năm do ảnh hưởng mưa lụt nên một số hạng mục không thể triển khai				24.300.000
-	Nâng cấp một số hạng mục chợ Hải Xuân, xã Hải Hưng	4.573.000	Chi phí Quyết toán DAHT		4.573.000		

Biểu số II.5

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số **45**/TTr-UBND ngày **24** / 3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
	HUYỆN VĨNH LINH	4.154.600.052		512.114.000	3.642.486.052	0	0
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	4.154.600.052		512.114.000	3.642.486.052	0	0
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí						
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	4.049.513.052		512.114.000	3.537.399.052	0	0
1	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Hiền	2.699.000	Chi phí Quyết toán DAHT		2.699.000		
2	Di dời hệ thống đường điện 22 Kv đi qua đất ông Nguyễn Đăng An thôn Lai Bình xã Vĩnh Cháp	684.000	Chi phí Quyết toán DAHT		684.000		
3	Đường nối trung tâm xã Vĩnh Long với các xã miền Tây và miền Đông huyện Vĩnh Linh đến QL1 (đợt 1)	8.116.000	Chi phí Quyết toán DAHT		8.116.000		
4	Nâng cấp đường Huyện Trần Công Chứa	62.779.000	Chi phí Quyết toán DAHT		62.779.000		
5	Nâng cấp đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Hồ Xá	6.685.000	Chi phí Quyết toán DAHT		6.685.000		
6	Nâng cấp, tôn tạo Bia công tích Huynh Công; Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng	839.000	Chi phí Quyết toán DAHT		839.000		
7	Nhà văn hóa thôn Linh Đơn; Hạng mục: Sân bê tông lát gạch, cổng tường rào	1.309.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.309.000		
8	Nhà văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh	512.114.000	Kinh phí cấp chi trả cho GPMB, nay đã chi trả hết. Kéo dài để thực hiện chi trả cho các chi phí	512.114.000			
9	Trường mầm non Vĩnh Hòa; Phòng làm việc giáo viên và nhà vệ sinh ngoài trời cụm Đơn Duệ	1.994.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.994.000		
10	Trường tiểu học Võ Thị Sáu; Hạng mục: Kè chắn đất, bồn hoa và sân thể dục	3.412.000	Chi phí Quyết toán DAHT		3.412.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
11	Trường THPT Cửa Tùng; Hạng mục: Nhà học thực hành, nhà đa năng và hạng mục	110.953.000	Chi phí Quyết toán DAHT		110.953.000		
12	Xây dựng hệ thống biển báo giao thông xã Kim Thạch	567.000	Chi phí Quyết toán DAHT		567.000		
13	Xây mới 02 phòng học đa chức năng Trường mầm non Sơn Ca	3.682.000	Chi phí Quyết toán DAHT		3.682.000		
14	Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư thôn thủy Ba Đông, xã Vĩnh Thủy huyện Vĩnh Linh giai đoạn 1	410.900.000	Vướng GPMB, 02 lô có sổ đỏ nên cần điều chỉnh lại dẫn đến ảnh hưởng đến khối lượng thi		410.900.000		
15	xây dựng CSHT các lô nhỏ lẻ tại thôn Hòa Bình, Hiền dung, linh đơn xã Vĩnh Hòa	11.154.000	Chưa thanh toán chi phí Quyết toán và chi phí cắm mốc đo đạc		11.154.000		
16	Thay thế nâng cấp các thiết chế văn hóa xã Kim Thạch	2.352.000	Chi phí Quyết toán DAHT		2.352.000		
17	Khu đô thị Tây Nam quốc lộ 1 đoạn qua thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	195.032.000	Đang chờ Quyết định đền bù 01 hộ		195.032.000		
18	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư khu phố Phú Thị Đông (Khóm 3 giai đoạn 2), khu dân cư khu phố 6 thị trấn Hồ Xá	2.170.685.052	Công trình đang thi công		2.170.685.052		
19	Khu dân cư khóm 3 thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	14.948.000	Chi phí Quyết toán DAHT		14.948.000		
20	Hệ thống đài truyền thanh IP thị trấn Hồ Xá	9.407.000	Chi phí Quyết toán DAHT		9.407.000		
21	Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc; Hạng mục: Sân thể dục	1.728.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.728.000		
22	Nâng cấp đường Phan Huy Chú, thị trấn Hồ Xá	338.400.000	Công trình đang thi công		338.400.000		
23	Kè chắn đất đường giao thông khu phố Thống Nhất, thị trấn Hồ Xá	1.562.000	Chi phí Quyết toán DAHT		1.562.000		
24	Đường bê tông và kè chắn đất đường nội khu phố 8	7.971.000	Chi phí Quyết toán DAHT		7.971.000		
25	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Hồ Xá	8.859.000	Chi phí Quyết toán DAHT		8.859.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
26	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Hồ Xá	18.847.000	Chi phí Quyết toán DAHT		18.847.000		
27	Trụ sở UBND xã Vĩnh Hòa; HM: Tường rào, ga ra để xe.	20.863.000	Chi phí Quyết toán DAHT		20.863.000		
28	Hệ thống thiết chế văn hóa xã (Pano, áp	12.019.000	Chi phí Quyết toán DAHT		12.019.000		
29	Quy hoạch phân lô chi tiết khu dân cư các thôn Tân Trại 1, Tân An, Cổ Mỹ, xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị	15.037.000	Chi phí Quyết toán DAHT		15.037.000		
30	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu dân cư nhỏ lẻ xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh	17.886.000	Chi phí Quyết toán DAHT		17.886.000		
31	Nâng cấp sửa chữa các trục đường nội thôn và liên gia do mua lu làm hư hỏng	12.179.000	Chi phí Quyết toán DAHT		12.179.000		
32	Xây dựng hệ thống rãnh, bồn hoa trục đường chính từ thôn Nồng đến thôn Đông xã Vĩnh Kim	8.312.000	Chi phí Quyết toán DAHT		8.312.000		
33	Khu dân cư nông thôn thôn An Cỏ, Động Sỏi, thôn Sẻ xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Cắm mốc phân lô, lập bản đồ địa chính	54.667.000	chưa hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục dự án		54.667.000		
34	Trường Tiểu học Kim Thạch - cơ sở 2, hạng mục: Nhà xe học sinh	872.000	Chi phí Quyết toán DAHT		872.000		
I.3	Nguồn vốn đầu tư công khác	105.087.000		0	105.087.000	0	0
1	Trung tâm văn hóa xã Vĩnh Trung	35.433.000	Chi phí bảo hành công trình và quyết toán DAHT		35.433.000		
2	Nâng cấp đường Khu dân cư Trạng Vụng và Khu dân cư An Hòa 2, thị trấn Cửa Tùng	5.194.000	Chi phí Quyết toán DAHT		5.194.000		
3	Nâng cấp các tuyến đường giao thông Khu phố 4, thị trấn Hồ Xá (Kiệt 20 đường Phạm Văn Đồng, Kiệt 23 đường Tôn Đức Thắng)	5.475.000	Chi phí Quyết toán DAHT		5.475.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
4	Trụ sở UBND thị trấn Bến Quan; HM: Xây dựng mới cổng, tường rào, lát gạch Terazzo sân bê tông, nhà xe và sơn nhà làm việc công an quân sự	5.699.000	Chi phí Quyết toán DAHT		5.699.000		
5	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông liên thôn Sa Bắc - Trung Lập và Cổng dân sinh thôn Xóm Mội đi thượng Hòa, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh	22.651.000	Chi phí Quyết toán DAHT		22.651.000		
6	Nâng cấp các tuyến đường giao thông Khu phố 1, thị trấn Hồ Xá (Kìet 29 và Hẻm 02,06 đường Lý Thánh Tông)	6.314.000	Chi phí Quyết toán DAHT		6.314.000		
7	Nâng cấp đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Hồ Xá (đoạn từ đường Trần Phú đi đường Nguyễn Văn Linh)	6.840.000	Chi phí Quyết toán DAHT		6.840.000		
8	Điện chiếu sáng đường Huyền Trân Công Chúa, thị trấn Hồ Xá	6.883.000	Chi phí Quyết toán DAHT		6.883.000		
9	Đường liên thôn Liêm Công Tây - Liêm Công Đông, xã Hiền Thành, huyện Vĩnh	5.700.000	Chi phí Quyết toán DAHT		5.700.000		
10	Xây dựng chốt kiểm tra y tế phòng, chống dịch Covid 19 huyện Vĩnh Linh	4.898.000	Chi phí Quyết toán DAHT		4.898.000		

Biểu số II.6

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số 45 /TTr-UBND ngày 24 / 3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
	HUYỆN GIO LINH	3.206.939.000		50.000.000	2.394.231.000	729.370.000	33.338.000
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	3.162.056.000		50.000.000	2.349.348.000	729.370.000	33.338.000
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	242.065.000		0	9.988.000	232.077.000	0
1	Trường TH và THCS Gio Quang; Hạng mục: Phòng đa chức năng điểm trường Thôn Tân Kỳ (giai đoạn 1)	232.077.000	Nguồn vốn cấp thời điểm cuối tháng 12 năm 2021; Hồ sơ điều chỉnh nhiều lần			232.077.000	
2	Đường vào khu kinh tế vùng cát thị trấn Cửa Việt (giai đoạn 1)	9.988.000	Chí thẩm định BCKTKT, TTQT, LCT		9.988.000		
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	2.490.074.000		50.000.000	1.942.781.000	497.293.000	0
1	Trường mầm non Hải Thái. Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp 3 phòng học	3.095.000	Chi phí thẩm tra QTDAHT, quản lý dự án		3.095.000		
2	Trường mầm non Gio Châu; Hạng mục: Nhà 2 tầng 4 phòng học	183.854.000	Vốn bố trí cuối năm nên chưa giải ngân hết			183.854.000	
3	Trường TH và THCS Gio Quang; Hạng mục: Phòng đa chức năng điểm trường Thôn Tân Kỳ (giai đoạn 1)	303.000.000	Nguồn vốn cấp thời điểm cuối tháng 12 năm 2021; Hồ sơ điều chỉnh nhiều lần			303.000.000	
4	Sửa chữa, nâng cấp trường TH&THCS Gio Mỹ ; Hạng mục: Tu sửa phòng học, nâng cấp sân, tường rào cụm Cẩm Khê	4.621.000	Chi phí thẩm tra QTDAHT, quản lý dự án		4.621.000		
5	Xây dựng nhà văn hóa Thôn Tân Kỳ (Thôn mới sáp nhập)	1.000.000.000	Nguồn vốn cấp thời điểm cuối tháng 12 năm 2021; Hồ sơ điều chỉnh nhiều lần, địa bàn thi công lúc đó gặp thời tiết mưa ngập nước		1.000.000.000		
6	Nâng cấp hệ thống Đài truyền thanh xã Gio Mỹ	1.848.000	Chi phí thẩm tra QTDAHT		1.848.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
7	Xây dựng bể chứa rác thải, bảo vệ thực vật 6 thôn, xã Gio Mỹ	4.404.000	Chi phí thẩm tra QTD AHT		4.404.000		
8	Phát triển điểm dân cư xã Gio Hòa	46.370.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		46.370.000		
9	Phát triển điểm dân cư xã Linh Hải	57.452.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		57.452.000		
10	Phát triển điểm dân cư xã Gio Sơn	60.554.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		60.554.000		
11	Phát triển điểm dân cư xã Gio Châu	168.522.000	Vốn bố trí cuối năm nên chưa giải ngân hết		168.522.000		
12	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng đường Nguyễn Chí Thanh, đường Trần Đình Ân, thị trấn Gio Linh (giai	3.793.000	Chi phí LCT, Thẩm tra QT		3.793.000		
13	Đường Bến U đi thôn Lan Đình-Phong Bình (giai đoạn 1)	6.840.000	Chi phí quyết toán DAHT		6.840.000		
14	Kênh tưới kết hợp tiêu HTX Thủy	24.345.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		24.345.000		
15	Kênh tiêu HTX Lại An	5.700.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		5.700.000		
16	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022	300.000.000	Tỉnh chưa phê duyệt KH nên chưa thanh toán		300.000.000		
17	Sửa chữa trụ sở UBND xã Trung Sơn; Hạng mục: Thay cửa, mái, trần la phong	12.563.000	Chi phí QLDA, chi phí khác		12.563.000		
18	Trụ sở UBND xã Gio An; Hạng mục: Xây mới 05 phòng làm việc	5.700.000	Chuyển nguồn chi phí thẩm tra quyết toán		5.700.000		
19	Đường bê tông nội đồng thôn Lại An năm 2020; Hạng mục: Tuyến 1	25.948.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		25.948.000		
20	Nâng cấp đường liên thôn Cẩm Phô đến thôn Nhĩ Thượng	25.876.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		25.876.000		
21	Kênh mương nội đồng thôn Lại An năm 2020; Hạng mục: Tuyến 1	26.011.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		26.011.000		
22	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở xã Gio Mỹ năm 2020; Hạng mục: Trụ sở Ủy ban, UBMT và các đoàn thể	20.662.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		20.662.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
23	Nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Gio Mỹ năm 2020 (Giai đoạn 2)	3.534.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		3.534.000		
24	Sửa chữa, nâng cấp trường TH&THCS Gio Mỹ; Hạng mục: Sân cùm Thượng Mỹ, điểm trường Trung tâm	26.067.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		26.067.000		
25	Sửa chữa, nâng cấp trường Mầm non xã Gio Mỹ; Hạng mục: Nâng cấp nền 4 phòng học, sân trường, đường, tường rào cụm Cẩm Khê	24.575.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		24.575.000		
26	Nâng cấp sân vận động xã Gio Mỹ	43.843.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		43.843.000		
27	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đèn LED hình các loại hoa trên Quốc Lộ 1A	4.168.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		4.168.000		
28	Nâng cấp đê tả Thạch Hản đoạn Mai Xá, xã Gio Mai; Hạng mục: Đền bù, giải phóng mặt bằng 02 công tròn của hộ ông Nguyễn Văn Thắng và Trần Đại Nghĩa	50.000.000	Vướng trong khâu GPMB	50.000.000			
29	Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm học tập cộng đồng thôn Lại An (Giai	13.064.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		13.064.000		
30	Nâng cấp đường điện thấp sáng thôn Lại An	7.660.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		7.660.000		
31	Nhà bia tưởng niệm thôn Lại An (Giai đoạn 2)	11.470.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		11.470.000		
32	Sửa chữa trụ sở UBND xã Trung Sơn; Hạng mục: Sơn mới toàn bộ nhà.	4.096.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT		4.096.000		
33	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã Hải Thái	3.526.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT			3.526.000	
34	Cổng chào trang trí Led tại đường 2/4 - thị trấn Gio Linh (giai đoạn 2)	1.182.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT			1.182.000	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
35	Sửa chữa, cải tạo bãi rác tập trung huyện Gio Linh	5.731.000	Chi phí QLDA, lựa chọn nhà thầu			5.731.000	
I.3	Nguồn vốn đầu tư công khác	429.917.000		0	396.579.000	0	33.338.000
1	Chợ Mai xá, xã Gio Mai	87.463.000	Chi phí QLDA, quyết toán, CP lập thẩm định BCKTKT		87.463.000		
2	Chợ Cồn Tiên, xã Hải Thái; Hạng mục: Sân bê tông, hàng rào, nhà Ban quản lý chợ	84.873.000	Chuyển chi phí thẩm tra, thẩm định, quản lý dự án, dự phòng		84.873.000		
3	Kiên cố hoá kênh tưới Trường Thọ	224.243.000	Vốn cấp vào thời điểm cuối năm		224.243.000		
4	Khắc phục khẩn cấp kè bờ hữu sông Bến Hải đoạn qua xã Trung Sơn	33.338.000	Chi phí QLDA, quyết toán DAHT				33.338.000
II	CẤP XÃ QUẢN LÝ	44.883.000		0	44.883.000	0	0
1	Thị trấn Gio Linh	8.395.000		0	8.395.000	0	0
-	Hệ thống rãnh thoát nước đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Gio Linh	7.895.000	Chi phí quyết toán DAHT		7.895.000		
-	Xây dựng mương tưới, tiêu vùng Lịch	500.000	Chi phí quyết toán DAHT		500.000		
2	Xã Gio Quang	238.000		0	238.000	0	0
-	Đường cấp phối nội đồng HTX Kỳ Trúc năm 2021	238.000	Chi phí quyết toán DAHT		238.000		
3	Xã Gio Mai	34.353.000		0	34.353.000	0	0
-	Bê tông hoá kênh mương nội đồng thôn Tân Minh N4	5.366.000	Chi phí quyết toán DAHT		5.366.000		
-	Sửa chữa, nâng cấp các công trình xây dựng xã Gio Mai	28.987.000	Chi phí quyết toán DAHT		28.987.000		
4	Xã Gio Mỹ	1.897.000		0	1.897.000	0	0
-	Kênh tưới trạm bơm Nhĩ Thượng (Giai đoạn 2)	1.897.000	Chi phí quyết toán DAHT		1.897.000		

Biểu số II.7

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số **45** /TTr-UBND ngày **24** / 3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
	HUYỆN CAM LỘ	2.356.662.020		0	0	1.396.400.020	960.262.000
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	1.137.416.000		0	0	768.648.000	368.768.000
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí						
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	744.682.000		0	0	375.914.000	368.768.000
1	Quy hoạch chi tiết 1/500 khu đô thị phía Nam trung tâm TT Cam Lộ, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	229.924.000	Vốn bổ sung từ nguồn tăng thu đất (tháng 12/2021)			229.924.000	
2	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực Ngã Tư Sòng	39.483.000	Vốn bổ sung từ nguồn tăng thu đất (tháng 12/2021)			39.483.000	
3	Xử lý ô nhiễm môi trường tại làng bún Cẩm Thạch, Cam An	7.440.000	Xử lý công trình đặc thù, mưa kéo dài. Dịch bệnh Covid phải ngừng thi công do không có lao động				7.440.000
4	Mô hình lò đốt rác cụm xã huyện Cam Lộ	53.549.000	Xử lý công trình đặc thù, mưa kéo dài. Dịch bệnh Covid phải ngừng thi công do không có lao động				53.549.000
5	Xây dựng ô chôn lấp rác thải tập trung huyện Cam Lộ; Địa điểm: xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ	273.228.000	Xử lý công trình đặc thù, mưa kéo dài. Dịch bệnh Covid phải ngừng thi công do không có lao động				273.228.000
6	Hệ thống giao thông vùng nguyên liệu cây con chủ lực	34.551.000	Xử lý công trình đặc thù, mưa kéo dài. Dịch bệnh Covid phải ngừng thi công do không có lao động				34.551.000
7	Đường liên xã Cam Hiếu-TT Cam Lộ, huyện Cam Lộ	77.258.000	Vốn bổ sung từ nguồn tăng thu đất (tháng 12/2021)			77.258.000	
8	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Hàm Nghi TT Cam Lộ	29.249.000	Vốn bổ sung từ nguồn tăng thu đất (tháng 12/2021)			29.249.000	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
I.3	Nguồn vốn đầu tư công khác	392.734.000		0	0	392.734.000	0
1	Khắc phục xói lở cầu và đường hai đầu cầu Thượng lâm, xã Cam Thành	392.734.000	Vốn bổ sung có mục tiêu khắc phục hậu quả mưa lũ (quý IV/2021)			392.734.000	
II	CẤP XÃ QUẢN LÝ	1.219.246.020		0	0	627.752.020	591.494.000
II.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí						
II.2	Nguồn thu sử dụng đất xã	1.219.246.020		0	0	627.752.020	591.494.000
1	Trường TH & THCS Cam Hiếu; HM: Thoát úng, sân, tường rào	25.200.020	Vốn bổ sung từ nguồn tăng thu đất (tháng 12/2021)			25.200.020	
2	Đường vào Nghĩa trang Liệt sỹ và trung tâm văn hoá - thể thao xã Cam Thuỷ	591.494.000	Thiệt hại kinh tế COVID 19 dưới sự áp dụng chỉ thị 16; mưa kéo dài dẫn đến công trình không thẩm nhựa được				591.494.000
3	Đường vào vùng sản xuất tập trung xã Cam Thành	388.597.000	Vốn bổ sung từ nguồn tăng thu đất (tháng 12/2021)			388.597.000	
4	Hệ thống đường giao thông KP7 thị trấn Cam Lộ	12.842.000	Vốn bổ sung từ nguồn tăng thu đất (tháng 12/2021)			12.842.000	
5	Đường vào vùng SX tập trung xã Cam Tuyền	201.113.000	Vốn bổ sung từ nguồn tăng thu đất (tháng 12/2021)			201.113.000	

Biểu số II.8

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số **45** /TTr-UBND ngày **24** / 3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
	HUYỆN ĐAKRÔNG	2.670.594.500		0	27.799.000	293.589.500	2.349.206.000
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	2.670.594.500		0	27.799.000	293.589.500	2.349.206.000
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	225.000.000		0	0	0	225.000.000
1	Cắm mốc thực địa theo quy hoạch giao thông thị trấn Krông Klang	150.000.000	Vốn khởi công mới phân bổ muộn do chờ phê duyệt KHĐTC trung hạn				150.000.000
2	Thiết bị hệ thống công sự trận địa, sở chỉ huy trong diễn tập phòng thủ huyện Đakrông (GD 2)	75.000.000	Vốn khởi công mới phân bổ muộn do chờ phê duyệt KHĐTC trung hạn				75.000.000
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	2.223.657.000		0	0	99.451.000	2.124.206.000
1	Tạo quỹ đất để đấu giá QSD đất các lô xen kẽ trong khu dân cư trên địa bàn thị trấn	26.965.000	Phân bổ từ nguồn tăng thu SDD nhưng chưa được cấp có thẩm quyền kéo dài, phân bổ sau 30/9			26.965.000	
2	Tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất công ty lương thực bàn giao	211.186.000	Vốn khởi công mới phân bổ muộn do chờ phê duyệt KHĐTC trung hạn				211.186.000
3	Dự án ĐTXD khu TĐC di dân khẩn cấp, ổn định di dân, định cư ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét và sạt lở xã Tà Rụt. HM: Cắm mốc, phân lô.	72.486.000	Phân bổ từ nguồn tăng thu SDD nhưng chưa được cấp có thẩm quyền kéo dài, phân bổ sau 30/9			72.486.000	
4	San tạo mặt bằng để đấu giá QSD đất hai bên tuyến đường T4, thị trấn Krông Klang (GD 2)	658.629.000	Vốn khởi công mới phân bổ muộn do chờ phê duyệt KHĐTC trung hạn				658.629.000

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
5	Nhà văn hóa khóm II-Thị trấn Krông Klang	249.274.000	Vốn khởi công mới phân bổ muộn do chờ phê duyệt KHĐTC trung hạn				249.274.000
6	Sửa chữa trụ sở thị trấn Krông KLang	5.117.000	Vốn khởi công mới phân bổ muộn do chờ phê duyệt KHĐTC trung hạn				5.117.000
7	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cụm dân cư hai bên tuyến đường T3 đi bệnh viện (đường Nguyễn Du)	1.000.000.000	Vốn khởi công mới phân bổ muộn do chờ phê duyệt KHĐTC trung hạn				1.000.000.000
I. 3	Nguồn vốn đầu tư công khác	221.937.500		0	27.799.000	194.138.500	0
1	Sửa chữa trụ sở xã A Ngo, huyện Đakrông	17.314.000	Thanh toán chi phí quyết toán		17.314.000		
2	Cải tạo trụ sở làm việc UBND huyện và mua sắm trang thiết bị phục vụ hội nghị trực tuyến cấp huyện, cấp xã	194.138.500	Phân bổ từ nguồn kết dư SDĐ nhưng chưa được cấp có thẩm quyền kéo dài			194.138.500	
3	Sửa chữa trụ sở Trung tâm Chính trị huyện	6.614.000	Thanh toán chi phí quyết toán		6.614.000		
4	Trường mầm non Hướng Hiệp-điểm trường chính; Hạng mục: nhà bếp	2.044.000	Thanh toán chi phí quyết toán		2.044.000		
5	Đường nội đồng thôn Xuân Lâm	1.827.000	Thanh toán chi phí quyết toán		1.827.000		

Biểu số II.9

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 45 /TTr-UBND ngày 24 / 3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
	HUYỆN HƯỚNG HÓA	5.661.403.327		0	5.661.403.327	0	0
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	5.494.652.300		0	5.494.652.300	0	0
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	139.142.000		0	139.142.000	0	0
1	Sửa chữa trụ sở Thanh tra huyện Hướng Hóa	4.794.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		4.794.000		
2	Nâng cấp đường Văn Cao, Khối 2 thị trấn Khe Sanh	7.294.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		7.294.000		
3	Trường Mầm non Tân Hợp	6.395.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		6.395.000		
4	Trường THCS Khe Sanh - HM: Cải tạo nhà học 02 tầng và nhà hiệu bộ	55.717.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		55.717.000		
5	Trường THCS Tân Liên - HM: Cải tạo nhà học 10 phòng, nhà học 04 phòng và nhà vệ sinh	22.565.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		22.565.000		
6	Đường kiệt 283 Lê Duẩn nối kiệt 9 Đình Tiên Hoàng, khối 3B, thị trấn Khe Sanh	37.627.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		37.627.000		
7	Sửa chữa trụ sở UBND thị trấn Khe Sanh	4.750.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		4.750.000		
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	46.774.000		0	46.774.000	0	0
1	Sửa chữa trụ sở phòng Nội vụ và các cơ quan	11.135.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		11.135.000		
2	Sửa chữa trụ sở Trung tâm y tế huyện	35.639.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		35.639.000		
I.3	Nguồn vốn đầu tư công khác	5.308.736.300		0	5.308.736.300	0	0
1	Trường Mầm non Hướng Linh - Điểm trường thôn Mới	59.431.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		59.431.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
2	Trường Mầm non A Túc - Điểm trường Tăng Cô	8.446.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		8.446.000		
3	Trường Mầm non Tân Hợp	284.983.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		284.983.000		
4	Trường Tiểu học số 1 Khe Sanh - HM: Sửa chữa nhà học 02 tầng 08 phòng học, nhà vệ sinh, bếp ăn và một số hạng mục phụ trợ	94.095.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		94.095.000		
5	Trường Tiểu học số 2 Khe Sanh - HM: Cải tạo nhà học 02 tầng 12 phòng học	67.099.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		67.099.000		
6	Sửa chữa khẩn cấp cống tràn thôn Sê Pu thuộc tuyến đường Cha Lý - Sê Pu xã Hướng	4.884.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		4.884.000		
7	Sửa chữa khẩn cấp cống tràn thôn Xa Re đi thôn Ruộng xã Hướng Tân	9.631.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		9.631.000		
8	Sửa chữa khẩn cấp cống tràn thôn Tân Vĩnh đi thôn Ruộng xã Hướng Tân	4.122.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		4.122.000		
9	Sửa chữa khẩn cấp cầu tràn thôn Tân Hào, xã Tân Liên	13.098.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		13.098.000		
10	Nhà văn hóa truyền thống Vân Kiều - Pa Cô; Hạng mục: Sửa chữa sau bão số 9	1.297.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		1.297.000		
11	Đường giao thông T4 xã Tân Hợp	46.650.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		46.650.000		
12	Cầu Bán Vây 1, xã Tân Lập GD2	40.534.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		40.534.000		
13	Cầu bản tại Bản 2; Cống tại thôn Úp Ly 2	22.019.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		22.019.000		
14	Đường giao thông xã Thanh xã Xy	310.345.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		310.345.000		
15	Đường giao thông xã Thuận đi xã Hướng Lộc	25.979.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		25.979.000		
16	Cống tràn thôn Pà Xía	19.424.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		19.424.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
17	Cổng tràn thôn A Dơi Đố, thôn Xa Doan	71.677.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		71.677.000		
18	Cổng tràn đường giao thông thôn Hùn đi thôn Pằng	38.411.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		38.411.000		
19	Kè chắn đất trường Mầm non Ba Tầng	51.105.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		51.105.000		
20	Đường giao thông thôn Cha Lý đi thôn Cù Bai	68.298.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		68.298.000		
21	Đường giao thông A Túc đi xã Xy	136.241.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		136.241.000		
22	Cầu tràn Km2+500 - Đường vào thác Ô Ô xã Tân Long	73.774.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		73.774.000		
23	Cầu tràn Km2+750 - Đường vào thác Ô Ô xã Tân Long	72.069.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		72.069.000		
24	Cổng tràn thôn Chênh Vênh, xã Hướng Phùng	1.205.055.100	Công trình đang thi công theo tiến độ		1.205.055.100		
25	Cổng tràn thôn Xa Ry, xã Hướng Phùng	52.804.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		52.804.000		
26	Đường Đinh Tiên Hoàng	504.437.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		504.437.000		
27	Đường giao thông xã Hướng Phùng đi xã Hướng Sơn	1.586.210.000	Công trình đang thi công theo tiến độ		1.586.210.000		
28	Đường giao thông vào khu sản xuất thôn A Ho, xã Thanh	43.662.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		43.662.000		
29	Đường giao thông thôn Mã Lai đi thôn Pun, xã Hướng Phùng	30.915.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		30.915.000		
30	Đường giao thông liên thôn Tà Rùng, xã Hướng Việt	6.189.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		6.189.000		
31	Đường giao thông thôn Tân Trung, xã Tân Lập đi thôn Pa Ka, xã Hướng Lộc	9.397.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		9.397.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
32	Đường giao thông thôn Xa Tuông đi thôn Ba Tầng (đoạn thôn Xa Tuông đi thôn Măng Sông)	205.659.200	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		205.659.200		
33	Trường Tiểu học Hướng Tân	1.752.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		1.752.000		
34	Trường TH&THCS Hướng Việt	104.808.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		104.808.000		
35	Trường THCS Khe Sanh	2.886.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		2.886.000		
36	Trường Tiểu học số 2 Khe Sanh	4.995.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		4.995.000		
37	Trường Mầm non Tân Liên	570.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		570.000		
38	Trường Mầm non Tân Thành	18.948.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		18.948.000		
39	Đường Trường Chinh	1.253.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		1.253.000		
40	Đường Phan Đình Phùng	5.584.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		5.584.000		
II	CẤP XÃ QUẢN LÝ	166.751.027		0	166.751.027	0	0
1	Kiệt 48 Phan Chu Trinh nối Đình Tiên	18.638.000	KP quyết toán công trình		18.638.000		
2	Sửa chữa sân Ủy ban nhân dân xã Tân Lập và các hạng mục liên quan	103.027.027	Công trình chưa thi công		103.027.027		
3	Xây dựng công trình đường bê tông nội bộ khu tái định cư Ra Ly - Rào, xã Hướng Sơn	28.225.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		28.225.000		
4	San lấp mặt bằng, cắm mốc, phân lô khu tái định cư thôn Ra Ly - Rào, xã Hướng Sơn	16.861.000	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, dự phòng		16.861.000		

Biểu số II.10

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022**

(Kèm theo Tờ trình số **45** /TTr-UBND ngày **24** / 03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Nguyên nhân	Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP			
				Điểm b	Điểm c	Điểm d	Điểm đ
	HUYỆN ĐẢO CỒN CỎ	614.688.001		0	0	0	614.688.001
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	614.688.001		0	0	0	614.688.001
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	614.688.001		0	0	0	614.688.001
1	Đường T3, huyện đảo Cồn Cỏ	614.688.001	Thời tiết mưa bão trên đảo thường xuyên đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công				614.688.001